

**BẢNG GIÁ THUỐC KHOA DƯỢC
THÁNG 8/2026**

TT	TÊN THUỐC	HOẠT CHẤT	ĐVT	ĐƠN GIÁ (VNĐ)
1	Magnesi sulfat Kabi 15%	Magnesi sulfat	Ống	2,900
2	Acetate Ringer	Ringer acetat	Chai	15,500
3	Lactated Ringer's	Ringer lactat	Chai	6,500
4	Ringer's Lactate	Ringer lactat	Túi	20,000
5	Daleston-D	Betamethasone + dexchlorpheniramin	Chai	31,500
6	Dexamethasone	Dexamethason	Ống	670
7	Kapredin	Methyl prednisolon	Viên	482
8	Mebikol	Methyl prednisolon	Viên	639
9	Medrol	Methylprednisolon	Viên	3,930
10	Agi-Calci	Calci carbonat + vitamin D3	Viên	1,400
11	Agi-vitac	Vitamin C	Viên	140
12	VitPP	Vitamin PP	Viên	140
13	Bogotop	Bilastine	Viên	9,000
14	Dareq	Desloratadin	Viên	5,160
15	Bivixifen 60	Fexofenadin	Viên	208
16	Imefed 500mg/125mg	Amoxicilin + acid clavulanic	Gói	9,400
17	Imefed DT 250mg/31,25mg	Amoxicilin + acid clavulanic	Viên	8,200
18	Imefed DT 875mg/125mg	Amoxicilin + acid clavulanic	Viên	12,000
19	Ceplorvpc 500	Cefaclor	Viên	8,400
20	Metiny	Cefaclor	Viên	9,900

TT	TÊN THUỐC	HOẠT CHẤT	ĐVT	ĐƠN GIÁ (VNĐ)
21	Osvimec 300	Cefdinir	Viên	10,650
22	Effixent	Cefixim	Viên	23,200
23	Imedoxim 200	Cefpodoxim	Viên	9,800
24	Negacef 500	Cefuroxim	Viên	5,230
25	Cetraxal	Ciprofloxacin	Ống	8,600
26	Ciprofloxacin	Ciprofloxacin	Viên	709
27	Ciprofloxacin Polpharma	Ciprofloxacin	Túi	36,435
28	Cravit 1.5%	Levofloxacin	Lọ	115,999
29	Metronidazole 0,5g/100ml	Metronidazol	Túi	5,500
30	Metronidazole/Vioser	Metronidazol	Chai	17,000
31	Infecin 3 M.I.U	Spiramycin	Viên	7,000
32	Vacodomitium 10	Domperidon	Viên	52
33	Acyclovir 3%	Aciclovir	Tuýp	45,500
34	Ventinos	Budesonid	Chai	65,000
35	Bromhexin	Bromhexin hydrochlorid	Viên	31
36	Acecyst	N-acetylcystein	Viên	155
37	Acetylcysteine 200mg	N-acetylcystein	Gói	399
38	Elaria	Diclofenac	Ống	9,900
39	Acular	Ketorolac	Lọ	67,244
40	Paracetamol 10mg/ml	Paracetamol	Túi	8,190
41	Hapacol 325	Paracetamol (acetaminophen)	Viên	190
42	Panactol 325mg	Paracetamol (acetaminophen)	Viên	62
43	Paracetamol 500 mg	Paracetamol (acetaminophen)	Viên	150
44	Lidocaine Aguettant 20 mg/mL (preservative free)	Lidocain	Ống	38,800

TT	TÊN THUỐC	HOẠT CHẤT	ĐVT	ĐƠN GIÁ (VNĐ)
45	Alcaine 0,5%	Proparacain	Lọ	39,379
46	Fresofol 1% MCT/LCT	Propofol	ml	1,510
47	Pamagel	Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxyd + simethicon	Gói	3,850
48	Vacoomex 40	Omeprazol	Viên	252
49	Betahistin	Betahistin	Viên	163
50	Meseca Advanced	Fluticason furoat	Lọ	108,000
51	Naphazolin 0,05%	Naphazolin	Chai	2,940
52	Povidon iodin 10%	Povidon iodin	Chai	8,750
53	Lumigan	Bimatoprost	Lọ	252,079
54	BRIMOGAN	Brimonidin tartrat	Lọ	114,450
55	Combigan	Brimonidin tartrat + timolol	Lọ	183,515
56	Azopt	Brinzolamid	Lọ	116,699
57	Azarga	Brinzolamid + timolol	Lọ	310,800
58	Indocollyre	Indomethacin	Lọ	68,000
59	Diquas	Natri diquafosol	Lọ	129,675
60	Nevanac	Nepafenac	Lọ	152,999
61	Lucentis	Ranibizumab	Lọ	13,125,021
62	Mydrin-P	Tropicamid + Phenylephrin hydroclorid	Lọ	67,499
63	Nicardipine Aguettant 10mg/10ml	Nicardipin	Ống	125,000
64	Benzina 10	Flunarizin	Viên	2,400
65	MIRENZINE 5	Flunarizin	Viên	1,250
66	Effergal	Paracetamol	Viên	2,373
67	Ceftazidime 1000	Ceftazidim	Lọ	14,763
68	Crutit	Clarithromycin	Viên	8,300

TT	TÊN THUỐC	HOẠT CHẤT	ĐVT	ĐƠN GIÁ (VNĐ)
69	Raxadin	Imipenem (dưới dạng Imipenem monohydrat) +	Lọ	61,150
70	Medoxasol 500mg	Levofloxacin (dưới dạng Levofloxacin hemihydrat)	Viên	7,266
71	Meloxicam-Teva 7.5mg	Meloxicam	Viên	788
72	Curam 1000mg	Amoxicilin (dưới dạng Amoxicilin trihydrat 1005mg)	Viên	5,946
73	Cepmox-Clav 875 mg/125 mg	Amoxicilin (dưới dạng Amoxicilin trihydrat)	Viên	5,250
74	Tenamyd-Cefotaxime 1000	Cefotaxim (dưới dạng Cefotaxim natri)	Lọ	11,361
75	Tenamyd-Ceftazidime 1000	Ceftazidim (dưới dạng Ceftazidim pentahydrat)	Lọ	19,488
76	Clarithromycin Stella 500 mg	Clarithromycin	Viên	3,741
77	Ozanier 500mg	Levofloxacin (dưới dạng Levofloxacin hemihydrat)	Viên	1,000
78	Merovia	Meropenem	Lọ	57,750
79	Mikrobiel 400mg/250ml	Moxifloxacin (dưới dạng Moxifloxacin Hydrochlorid)	Chai	147,000
80	Haxium 40	Esomeprazol (dưới dạng Esomeprazol pellets 22,5%)	Viên	840
81	Negacef 250	Cefuroxim	Viên	2,990
82	Coxnis	Meloxicam	Viên	176
83	Cerahead	Piracetam	Viên	669
84	Nước cất ống nhựa	Nước cất pha tiêm	Ống	350
85	ACID AMIN 5%	Acid amin*	Chai	53,000
86	Glucose 30%	Glucose	Chai	10,878
87	Glucose 5%	Glucose	Chai	7,035
88	Natri clorid 0,9%	Natri clorid	Chai	6,153
89	Sodium Chloride	Natri clorid	Chai	19,500
90	Kali Clorid	Kali clorid	Viên	700
91	Vinphason	Hydrocortison	Lọ	5,900
92	Midazolam B. Braun 5mg/ml	Midazolam	Ống	18,900

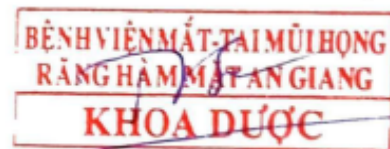
TT	TÊN THUỐC	HOẠT CHẤT	ĐVT	ĐƠN GIÁ (VNĐ)
93	AGI-CALCI	Calci carbonat + vitamin D3	Viên	1,422
94	AGIRENYL	Vitamin A	Viên	225
95	Clorpheniramin	Chlorpheniramin (hydrogen maleat)	Viên	41
96	Aerius	Desloratadin	Chai	78,899
97	BASTINFAST 20	Ebastin	Viên	3,050
98	Adrenalin	Epinephrin (adrenalin)	Ống	1,285
99	Danapha-Telfadin 180	Fexofenadin	Viên	4,150
100	Fegra 120mg	Fexofenadin	Viên	3,500
101	Ketotifen Helcor 1mg	Ketotifen	Viên	5,400
102	Clanoz	Loratadin	Viên	284
103	PIPOLPHEN	Promethazin hydroclorid	Ống	15,000
104	Klamenti 500/62.5	Amoxicilin + acid clavulanic	Gói	3,426
105	Cefaclor Stada 500mg capsules	Cefaclor	Viên	8,100
106	Ceplorvpc 500	Cefaclor	Viên	8,100
107	METINY	Cefaclor	Viên	9,900
108	Cefixime 200mg	Cefixim	Viên	5,920
109	Ceraapix	Cefoperazon	Lọ	46,000
110	Cefuroxime 125mg	Cefuroxim	Gói	1,617
111	AGICLARI 500	Clarithromycin	Viên	1,890
112	Letdion	Levofloxacin	Lọ	84,000
113	Metronidazol	Metronidazol	Viên	132
114	MEPOLY	Neomycin + polymyxin B + dexamethason	Lọ	37,000
115	Oflovid Ophthalmic Ointment	Ofloxacin	Tuýp	74,529
116	Ofloxacin-POS 3mg/ml	Ofloxacin	Lọ	52,900

TT	TÊN THUỐC	HOẠT CHẤT	ĐVT	ĐƠN GIÁ (VNĐ)
117	ROVAGI 1,5	Spiramycin	Viên	1,365
118	ROVAGI 3	Spiramycin	Viên	3,100
119	Daphazyl	Spiramycin + metronidazol	Viên	1,495
120	Domreme	Domperidon	Viên	1,000
121	Medskin Clovir 800	Aciclovir	Viên	3,200
122	Glyceryl Trinitrate - Hameln 1mg/ml	Glyceryl trinitrat (Nitroglycerin)	Ống	80,283
123	Naloxone-hameln 0.4mg/ml Injection	Naloxon hydroclorid	Ống	43,995
124	ETODAGIM	Etodolac	Viên	1,050
125	Loxoprofen 60mg	Loxoprofen	Viên	437
126	Paracetamol 10mg/ml	Paracetamol (acetaminophen)	Chai, túi	9,400
127	Lidocain hydroclorid 40mg/2ml	Lidocain hydroclodrid	Ống	378
128	LIDOCAIN	Lidocain hydroclodrid;	Lọ	159,000
129	Seaoflura	Sevofluran	ml	6,153
130	Suopinchon Injection	Furosemid	Ống	4,200
131	Cồn Boric 3%	Cồn boric	Chai	6,300
132	Otipax	Phenazon + lidocain hydroclorid	Lọ	53,999
133	Haemostop 250mg/5ml	Tranexamic acid	Ống	6,445
134	Zentani 500mg/5ml	Acetyl leucin	Lọ	12,000
135	POVIDONE	Povidon iodin	Chai	7,750
136	ALCOOL 70°	ALCOOL 70°	Chai	30,975
137	ACETAZOLAMID	Acetazolamid	Viên	974
138	Refresh Tears	Natri carboxymethylcellulose (natri CMC)	Lọ	64,100
139	Natri Clorid 0,9%	Natri clorid	Lọ	1,320
140	Sanlein 0.3	Natri hyaluronat	Lọ	126,000

TT	TÊN THUỐC	HOẠT CHẤT	ĐVT	ĐƠN GIÁ (VNĐ)
141	Pataday	Olopatadin hydroclorid	Chai	131,099
142	Systane Ultra	Polyethylen glycol + propylen glycol	Lọ	60,100
143	TETRACAIN 0,5%	Tetracain	Chai	15,015
144	Mydrin-P	Tropicamide + phenylephrine hydroclorid	Lọ	67,499
145	Digoxin/Anfarm	Digoxin	Ống	24,500
146	Dobutamine-hameln 12,5mg/ml Injection	Dobutamin	Ống	79,800
147	Kavasdin 5	Amlodipin	Viên	98
148	Nifedipin T20 retard	Nifedipin	Viên	540
149	Tobradex	Tobramycin + Dexamethasone	Tuýp	52,299
150	Lignospan Standard	Lidocain hydroclorid + Epinephrin (Adrenalin) tartrat	Ống	15,484
151	Thuốc tiêm Fentanyl citrate	Fentanyl	Ống	11,290
152	Naphazolin 0,05% Danapha	Naphazolin	Lọ	2,625

An Giang, ngày 03 tháng 8 năm 2026

TRƯỞNG KHOA DƯỢC



ĐSCKI. Phan Thanh Bình